



quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến giữa năm 2009, bà H hỏi vay tiền của bà T trong thời gian ngắn để mua nhà đất. Bà T đã cho bà H vay nhiều lần, đều đưa tiền mặt tại nhà bà T trong thời gian từ 14/7/2009 đến ngày 01/11/2010, tổng cộng số tiền bà H vay là 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng) cụ thể, như sau:

- Ngày 14/07/2009: 2.100.000.000 đồng
- Ngày 30/12/2009: 1.500.000.000 đồng.
- Ngày 02/02/2010: 800.000.000 đồng.
- Ngày 12/02/2010: 1.200.000.000 đồng.
- Ngày 02/03/2010: 600.000.000 đồng.
- Ngày 01/04/2010: 900.000.000 đồng.
- Ngày 07/06/2010: 800.000.000 đồng.
- Ngày 08/08/2010: 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 01/11/2010: 500.000.000 đồng.

Đến ngày 01/11/2010, Bà H chưa có tiền trả cho bà T nên đã làm “Giấy xác nhận mượn tiền” ghi nhận số tiền bà H vay của bà T tổng là 9.400.000.000 đồng, thời hạn vay trong vòng 07 tháng từ ngày 01/11/2010 đến ngày 01/06/2011. Do tin tưởng bà H nên bà T không yêu cầu bà H thế chấp tài sản để đảm bảo trả nợ. Khi đến ngày hẹn trả nợ, bà T liên hệ với bà H thì bà H cứ hẹn hết ngày này đến ngày khác và nhiều lần ký giấy hẹn trả nợ nhưng không thực hiện.

Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã xét xử sơ thẩm theo bản án số 279/2017/DS-ST ngày 30/6/2017. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 144/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 30/8/2018. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo Quyết định giám đốc thẩm số 334/2018/DS-GĐT ngày 24/10/2018 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 279/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và giao hồ sơ vụ án cho của Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng qui định. Lý do hủy án do Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng quyết định khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà H là nhà, đất tại đường I, phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên tài sản này bà H đã thế chấp Ngân hàng N - chi nhánh A nhưng Tòa án nhân dân quận Tân Bình không đưa Ngân hàng N - chi nhánh A vào tham gia trong vụ án là vi phạm tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay bà T vẫn xác định yêu cầu khởi kiện bà H như đơn khởi kiện trước đây, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả lại cho bà Trần Thị T số tiền đã vay là 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường H, quận T: bà Nguyễn Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

nhưng thực tế không còn cư trú, đã bán nhà chuyển đi nơi khác từ năm 2010 cho đến nay, không rõ địa chỉ.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ tại: nơi cư trú cuối cùng của bà H ở địa chỉ đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; tại trụ sở Ủy ban nhân dân Phường H, quận T và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình các thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa (Biên bản ngày 01/10/2019 niêm yết thông báo thụ lý và giấy triệu tập lập bản tự khai; Ngày 25/10/2019 và 19/2/2020 niêm yết thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; Ngày 23/3/2020 niêm yết Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Ngày 04/5/2020 và 22/5/2020 niêm yết giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa). Đồng thời, ngày 08/01/2020 Tòa án đã ra Quyết định số 01/2020/QĐ-TBTPTTTĐC thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên một trong các báo hàng ngày của trung ương trong 03 số liên tiếp (Báo Công lý ba số báo liên tiếp 11, 12, 13 ra các ngày 11, 14, 18/02/2020) và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp (Đài Tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 20/02/2020 đến ngày 22/02/2020) cho bà Nguyễn Thị Thu H biết việc Tòa án nhân dân quận Tân Bình đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

#### *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả lại cho bà Trần Thị T số tiền đã vay là 9.400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả nợ một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/9/2019.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tổng đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H.

#### *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tổng đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: từ khi thụ lý vụ án đến nay đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, hồ sơ có trong vụ án đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: buộc bà H có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền còn nợ chưa thanh toán là 9.400.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc đòi tài sản với bà Nguyễn Thị Thu H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại: đường P, Phường H, quận T, TP. Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Giấy xác nhận mượn tiền ngày 01/11/2010 có ghi địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu H ở đường P, Phường H, quận T. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường H, quận T thì bà Nguyễn Thị Thu H có hộ khẩu thường trú tại đường P, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không còn cư trú, đã bán nhà chuyển đi nơi khác từ năm 2010 cho đến nay, đi đâu không rõ địa chỉ. Căn cứ vào Điều 173, Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự 2015 bà H thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và thủ tục tổng đạt, niêm yết tại địa chỉ nêu trên cho bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa và tổng đạt các quyết định theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thu H.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Căn cứ vào Giấy xác nhận mượn tiền ký ngày 01/11/2010 có cơ sở xác định bà H có mượn của bà T số tiền 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 7 tháng kể từ ngày 01/11/2011 đến hết ngày 26/8/2011. Hết thời hạn cam kết, bà H không thanh toán. Căn cứ vào các giấy hẹn trả nợ của bà H cam kết sẽ trả tiền vào các ngày 08/7/2011, ngày 26/8/2011, ngày 16/9/2011, ngày 19/10/2011 và ngày 08/11/2011 nhưng cho đến nay bà H không trả được khoản tiền nợ nào. Do đó, căn cứ vào các Điều 163, Điều 280, Điều 281, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bà H đã vi phạm nghĩa vụ dân sự và phải có trách nhiệm

thực hiện thanh toán số tiền còn thiếu cho bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T: buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền còn thiếu là 9.400.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Bà T đã nộp đơn khởi kiện bà H tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình. Vụ án đã được thụ lý số 139/2015/TLST-DS ngày 25/4/2015. Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã xét xử sơ thẩm theo bản án số 279/2017/DS-ST ngày 30/6/2017. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị số 144/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 30/8/2018. Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo quyết định giám đốc thẩm số 334/2018/DS-GĐT ngày 24/10/2018 hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 279/2017/DS-ST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình và giao hồ sơ vụ án cho của Tòa án nhân dân quận Tân Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng qui định. Lý do hủy án do Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng quyết định khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà H là nhà đất tại đường I, phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; tuy nhiên tài sản này bà H đã thế chấp Ngân hàng N, chi nhánh A nhưng không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng N, chi nhánh A.

Ngày 19/9/2019 Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã thụ lý lại vụ án. Ngày 10/10/2019 Ngân hàng N, chi nhánh a có công văn số 478/TB-TA ngày 02/10/2019 thông báo: tài sản thế chấp tại địa chỉ đường I, phường C, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên chủ sở hữu có thể chấp tại Ngân hàng, hiện tại đã xử lý tài sản trên theo qui định pháp luật để thu hồi nợ. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Bình không đưa Ngân hàng N, chi nhánh A tham gia tố tụng.

Nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên ngày 30/9/2019, Tòa án nhân dân quận Tân Bình ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/9/2019 “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là bà Nguyễn Thị Thu H để bảo đảm thi hành án gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số H, tờ bản đồ số M, địa chỉ thửa đất: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02521 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

- Quyền sử dụng thửa đất số B, tờ bản đồ số M, địa chỉ thửa đất: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02520 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

- Quyền sử dụng thửa đất số N, tờ bản đồ số M, địa chỉ thửa đất: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH02514 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/6/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Ngày 13/5/2020, Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh huyện C có Công văn số 1501/VPĐK-CNCC cung cấp thông tin cho biết các thửa đất số H, B, N tờ bản đồ số M, địa chỉ thửa đất: xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H đang áp dụng theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/9/2019, không có biến động.

Căn cứ khoản 1 Điều 139 Bộ luật tố tụng dân sự; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận là 117.400.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho bà Trần Thị T.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 139, Điều 173, Điều 180, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 163, Điều 280, Điều 281, Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ 9.400.000.000 đồng (Chín tỷ bốn trăm triệu đồng). Thời hạn và phương thức thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 25/2019/QĐ-BPKCTT ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, không bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm là 117.400.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.700.000 đồng (Năm mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0039166 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Thi hành toàn bộ bản án tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký, đóng dấu)

**Bùi Thụy Hồng Châu**

